

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 600 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 28 tháng 3 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đính chính địa điểm và thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trực Ninh**

### **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Trực Ninh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1154/TTr-STNMT ngày 26/3/2024; của UBND huyện Trực Ninh tại Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 26/3/2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đính chính địa điểm và thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Trực Ninh, như sau:

1. Đính chính lại vị trí thửa đất đối với 01 vị trí quy hoạch đất ở đô thị tại thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh để phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất với diện tích 0,01 ha.

2. Thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Trực Ninh, cụ thể:

2.1. Điều chỉnh hủy bỏ và giảm nhu cầu sử dụng đất của các vị trí quy hoạch đất ở nông thôn và đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng với diện tích 15,46 ha.

- Đất ở nông thôn điều chỉnh hủy bỏ và giảm 14,66 ha.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng điều chỉnh hủy bỏ 0,8 ha.

2.2. Điều chỉnh bổ sung nhu cầu sử dụng đất của các vị trí quy hoạch đất ở nông thôn, đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng với diện tích 15,46 ha, cụ thể:

- Đất ở nông thôn điều chỉnh bổ sung nhu cầu sử dụng đất 14,66 ha.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng điều chỉnh bổ sung nhu cầu sử dụng đất 0,8 ha.

(chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

Việc đính chính địa điểm và thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Trực Ninh không làm ảnh hưởng các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất, khu vực theo chức năng sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Trực Ninh đã được phê duyệt; việc điều chỉnh trên phục vụ triển khai xây dựng các điểm tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và tỉnh Thái Bình theo phương thức đối tác công tư.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Trực Ninh**

Chịu trách nhiệm toàn diện về các thông tin, số liệu, hồ sơ đính chính địa điểm và thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Trực Ninh trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trực Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo theo đúng quy định.

### **3. UBND huyện Trực Ninh**

- Công bố, công khai việc đính chính địa điểm và thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng công trình, dự án của công trình, dự án thuộc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trực Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

3

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Trực Ninh, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Dũng**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÍNH CHÍNH ĐỊA ĐIỂM TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**  
**HUYỆN TRỰC NINH - TỈNH NAM ĐỊNH**  
(Kèm theo Quyết định số: 600 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Loại đất hiện trạng								Địa điểm thực hiện dự án	Tờ	Thửa	Ghi chú	
			LUC	CLN	NTS	HNK	DSH	DNL	TMD	SON	BCS				
	<b>NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT</b>														
	<b>Đất ở đô thị</b>	<b>0,01</b>						<b>0,01</b>							
	Quy hoạch đất ở đô thị	0,01						0,01				4	341		
	<b>ĐÍNH CHÍNH LẠI NHƯ SAU</b>														
	<b>Đất ở đô thị</b>	<b>0,01</b>						<b>0,01</b>							
	Quy hoạch đất ở đô thị	0,01						0,01				4	618		Đính chính lại số thửa đất

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THAY ĐỔI QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ SỐ LƯỢNG TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030  
Phụ lục II  
HUYỆN TRỰC NINH - TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: 600/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất								Địa điểm thực hiện dự án	Tờ	Thửa	Ghi chú	
			LUC	NTS	HNK	DGT	DTL	DCH	NTD	MNC	SON	BCS			
1	HỦY BỎ, GIẢM QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ SỐ LƯỢNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	15,46	14,26	0,13	0,06	0,49	0,49				0,03				
1	Đất ở nông thôn	14,66	13,46	0,13	0,06	0,49	0,49				0,03				
	Quy hoạch đất ở nông thôn	0,81	0,81										2	1130, 1137, 1138	
	Quy hoạch đất ở khu sau máy kéo	0,30	0,30										2	804, 806, 809, 810	
	Quy hoạch đất ở khu đường nam sông 488B	0,30	0,30										2	875, 878, 887, 890, 896, 897	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	1,48	1,38			0,06	0,04						3	868, 875, 878, 883, 887, 890, 896, 897, 1150	
	Quy hoạch đất ở nông thôn	0,20	0,17							0,03			12	182	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	2,14	1,82			0,12	0,20						13	1, 3, 4, 32, 33, 34, 36	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	1,24	1,03			0,15	0,06						7	753 - 761	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	0,68	0,60			0,04	0,04						3	Nhiều thửa	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	2,79	2,59	0,13		0,03	0,04						6	2602 - 2605, 2620, 2621, DGT, DTL	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	0,65	0,54		0,06	0,05							18	71, 406 - 410	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	1,54	1,48			0,01	0,05						4	2274 - 2277, 2392 - 2396, 4756, 1653 - 1661	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	0,43	0,40				0,03						3	1204, 1205	
	Quy hoạch khu dân cư tập trung	2,10	2,04			0,03	0,03						1	Nhiều thửa	
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,80	0,80												
	Quy hoạch mở rộng nghĩa địa thôn Đại Thắng 2	0,23	0,23										10	5695, 5696	
	Quy hoạch mở rộng nghĩa địa	0,57	0,57										1B	388	

Quyết định số 1413/QĐ-UBND  
ngày 06/07/2021

Quyết định số 1413/QĐ-UBND  
ngày 06/07/2021



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất										Địa điểm thực hiện dự án	Tờ	Thửa	Ghi chú	
			LUC	NTS	HNK	DGT	DTL	DCH	NTD	MNC	SON	BCS					
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán Bắc Hà	0,20	0,20										xã Trục Đạo	1PL1	115	Phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư	
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán Đồng Đa	0,96	0,96										xã Trục Đạo	1	67		
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán Đồng Giá	0,94	0,88			0,03	0,03						xã Trục Đạo	3	1098, 1101 - 1104		
1.4	<b>Đất ở nông thôn xã Trục Khang</b>	<b>1,24</b>	<b>1,03</b>			<b>0,15</b>	<b>0,06</b>										
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán thôn 4 Nam Trục	0,99	0,80			0,13	0,06						xã Trục Khang	11	2059	Phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư	
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán thôn 6 Phụ Nghiêm	0,25	0,23			0,02							xã Trục Khang	14	2658		
1.5	<b>Đất ở nông thôn xã Trục Hưng</b>	<b>0,68</b>	<b>0,60</b>			<b>0,04</b>	<b>0,04</b>										
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán đường Hưng Mỹ	0,68	0,60			0,04	0,04						xã Trục Hưng	5	2733, 2768, 2769	Phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư	
1.6	<b>Đất ở nông thôn xã Phương Định</b>	<b>1,53</b>	<b>1,46</b>			<b>0,03</b>	<b>0,04</b>										
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán xóm Mỹ Lang	0,12	0,12										xã Phương Định	7PL1	3676	Phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư	
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán khu Cánh Buồm	0,42	0,41		0,01								xã Phương Định	7PL2	4217, 5873		
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán khu Quang Châu	0,99	0,93		0,02	0,04							xã Phương Định	7	3972, 3973, 3974, 3975, 3963, 3964		
1.7	<b>Đất ở nông thôn xã Trung Đông</b>	<b>1,54</b>	<b>1,48</b>		<b>0,01</b>	<b>0,05</b>	<b>0,05</b>										
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán xóm Minh Đức 1	0,84	0,82			0,02							xã Trung Đông	6PL7	2895, 2933	Phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức đối tác công tư	
	Quy hoạch điểm TĐC phân tán xóm Minh Đức 2	0,70	0,66		0,01	0,03							xã Trung Đông	6PL8; 6PL7	6PL8 (2931), 6PL7 (2934)		

